

Số: 57 /2022/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 5 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 500/TTr-SKHĐT ngày 14 tháng 09 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 7 Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai ban hành kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai, như sau:

“ b) Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gửi báo cáo định kỳ cho Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất là vào ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.”

Điều 2. Ban hành các Phụ lục thay thế Phụ I, Phụ lục II, Phụ lục III- Danh mục báo cáo định kỳ, đề cương báo cáo và biểu mẫu báo cáo kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Lãnh đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01. tháng 01. năm 2023. Các nội dung khác tại Quy định về chế độ báo cáo định kỳ và báo cáo tổng kê phục vụ mục tiêu quản lý trên địa bàn tỉnh Đồng Nai kèm theo Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ KHĐT, Bộ Tư pháp;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL-BTP;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, THNC. (41 b)

Loctn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng



PHỤ LỤC I

Danh mục chế độ báo cáo định kỳ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
(Kèm theo Quyết định số 5.7/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Phương thức gửi nhận báo cáo	Thời gian chốt số liệu báo cáo	Thời hạn gửi báo cáo	Kỳ báo cáo/tần suất thực hiện báo cáo	Đề cương báo cáo/Biểu mẫu báo cáo	Cơ quan chủ trì, tổng hợp gửi UBND tỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
01	Báo cáo công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		- UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Hội, Hiệp hội doanh nghiệp của tỉnh;	- Cơ quan thường trực Ban hành Đồng hồ trợ doanh nghiệp tỉnh Đồng Nai.	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 của tháng cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 của tháng cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Quý 1, 6 tháng, 9 tháng, năm. - 04 lần/năm.	Mẫu số 1- Phụ lục II	Sở Kế hoạch và Đầu tư
02	Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh về Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Ban chỉ đạo Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành.	- Các thành viên của Ban chỉ đạo; - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan; UBND các huyện, thành phố;	Sở Tài nguyên và Môi trường- Thường trực Ban chỉ đạo Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Tài nguyên và Môi trường

03	Báo cáo tình hình triển khai các dự án thoát nước khác phục tình trạng ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		- Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng.	Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 02 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Xây dựng
04	Báo cáo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.	Hệ thống quản lý văn bản	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
05	Báo cáo tình hình phát triển đô thị.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Xây dựng	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo	- Năm - 01 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Xây dựng

06	Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở.	Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 13/6/2018 của UBND tỉnh; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc sửa đổi, bổ sung một số điều 27/2018/QĐ-UBND	UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 20 tháng 12 của kỳ báo cáo	- Năm - 01 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Khoa học và Công nghệ
07	Báo cáo tình hình phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	Sở Công thương	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo	Trước ngày 20 tháng 6 và tháng 12 của kỳ báo cáo	- 6 tháng, năm. - 02 lần/năm	Mẫu số 2- Phụ lục II	Sở Công thương

08	Báo cáo tình hình phát triển thương mại.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan.	Sở Công thương	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 3- Phụ lục II	Sở Công thương
09	Báo cáo tình hình quản lý phát triển khu công nghiệp; công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	- Ban quản lý Các khu công nghiệp, - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 4- Phụ lục II	- Ban quản lý Các khu công nghiệp. - Ban Quản lý Khu công nghệ cao Công nghệ sinh học
10	Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, địa phương do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.		UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh, - Các cơ quan, tổ chức đơn vị liên quan;	- Văn phòng UBND tỉnh. - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Hệ thống quản lý văn bản.	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 5- Phụ lục II	- Văn phòng UBND tỉnh - Sở Kế hoạch và Đầu tư

11	Báo cáo công tác trật tự an toàn xã hội, công tác an toàn giao thông.		- UBND các huyện, thành phố; - Các Sở ban ngành của tỉnh,	- Công an tỉnh; - Ban An toàn Giao thông tỉnh	- Hệ thống quản lý văn bản. - Văn bản giấy	Ngày 14 hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	Trước ngày 20 hàng tháng, cuối 1, 6 quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm	- Hàng tháng, cuối quý 1, 6 tháng, 9 tháng, và năm - 13 lần/năm	Mẫu số 6- Phụ lục II	Công an tỉnh
----	---	--	--	--	---	--	---	--	----------------------	--------------



PHỤ LỤC II

Đề cương báo cáo định kỳ

(Kèm theo Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Mẫu số 1: Đề cương Báo cáo công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Mẫu số 2: Đề cương: Báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ liên quan đến dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành; Báo cáo tình hình triển khai các dự án thoát nước khắc phục tình trạng ngập úng đô thị trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; Báo cáo tình hình phát triển đô thị; Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở; Báo cáo tình hình phát triển hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Mẫu số 3: Đề cương Báo cáo tình hình phát triển thương mại.

Mẫu số 4: Đề cương Báo cáo tình hình quản lý phát triển khu công nghiệp; công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai

Mẫu số 5: Đề cương Báo cáo định kỳ về tình hình thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, địa phương do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao.

Mẫu số 6: Đề cương Báo cáo công tác trật tự an toàn xã hội, công tác an toàn giao thông.

Mẫu số 1
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC HỖ TRỢ
DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kỳ báo cáo...)

I. Tình hình thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp

1. Về chính sách tín dụng
2. Về hỗ trợ doanh nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp
3. Về lĩnh vực công thương
4. Về thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại
5. Về đăng ký doanh nghiệp
6. Về công tác Quản lý thị trường và bình ổn giá cả
7. Về công tác gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp
8. Về lĩnh vực lao động
9. Về lĩnh vực khoa học và công nghệ
10. Về lĩnh vực Thuế và Hải quan
11. Về lĩnh vực quản lý đất đai, tài nguyên môi trường
12. Về lĩnh vực xây dựng
13. Về công tác cải cách thủ tục hành chính
14. Về công tác thông tin, tuyên truyền
15. Một số công tác khác liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp

II. Đánh giá những kết quả đạt được, chưa đạt được, nguyên nhân.

III. Nhiệm vụ, giải pháp trong quý(năm) sau.

IV. Kiến nghị (nếu có) .

Mẫu số 2
ĐỀ CƯƠNG (*Tên Báo cáo... ..*)

(*Kỳ báo cáo...*)

I. Tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1. Về việc tham mưu, xây dựng ban hành các chính sách liên quan đến nhiệm vụ được giao.

2. Tình hình thực hiện:

II. Đánh giá tình hình thực hiện

1. Đánh giá mặt đạt được.

2. Đánh giá mặt chưa đạt được

3. Nguyên nhân.

III. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện.

IV. Kiến nghị (*nếu có*).

Mẫu số 3
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kỳ báo cáo...)

I. THƯƠNG MẠI

1. Phát triển thương mại

- 1.1. Trung tâm thương mại, siêu thị.
- 1.2. Hệ thống chợ.
- 1.3. Hạ tầng thương mại khác có liên quan.

2. Xúc tiến thương mại.

3. Hội nhập kinh tế .

4. Phát triển thương mại điện tử.

II. DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI.

B. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

I. Đánh giá mặt đạt được

II. Đánh giá mặt chưa đạt được

III. Nguyên nhân

C. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM KỲ TIẾP THEO

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ (nếu có)

Mẫu số 4
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG
NGHIỆP; KHU CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ SINH HỌC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kỳ báo cáo...)

I. Tình hình triển khai thực hiện

1. Về việc tham mưu, xây dựng ban hành các văn bản liên quan
2. Tình hình thực hiện:
 - 2.1 Về thu hút đầu tư.
 - 2.2 Công tác quản lý hạ tầng
 - 2.3 Công tác môi trường.
 - 2.4 Công tác quản lý lao động

II. Đánh giá kết quả thực hiện

1. Về thu hút đầu tư.

- Đánh giá mặt đạt được.
- Đánh giá mặt chưa đạt được
- Nguyên nhân.

2. Công tác quản lý hạ tầng

- Đánh giá mặt đạt được.
- Đánh giá mặt chưa đạt được
- Nguyên nhân.

3. Công tác môi trường.

- Đánh giá mặt đạt được.
- Đánh giá mặt chưa đạt được
- Nguyên nhân.

4. Công tác quản lý lao động

- Đánh giá mặt đạt được.
- Đánh giá mặt chưa đạt được
- Nguyên nhân.

III. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện.

IV. Kiến nghị (nếu có).

Mẫu số 5

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH, UBND CẤP HUYỆN DO UBND TỈNH,
CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO.**

(Kỳ báo cáo)

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ DO UBND
TỈNH, CHỦ TỊCH UBND TỈNH GIAO (Theo chương trình công tác của UBND
tỉnh, các văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh...)**

1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

2. Đánh giá (đã hoàn thành/ chưa hoàn thành), nguyên nhân

3. Kiến nghị (nếu có)

II. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ:

Đánh giá việc triển khai các nhiệm vụ thuộc ngành, địa phương quản lý theo từng
lĩnh vực.

1. Lĩnh vực a.

- Kết quả đạt được:
- Mặt hạn chế
- Khó khăn:
- Nguyên nhân:
- Biện pháp, giải pháp thực hiện

2. Lĩnh vực b.

- Kết quả đạt được:
- Mặt hạn chế
- Khó khăn:
- Nguyên nhân:
- Biện pháp, giải pháp thực hiện.

.....

3. Các đề xuất, kiến nghị:

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KỲ TIẾP THEO

Các nhiệm vụ trọng tâm công tác

(Các ngành, lĩnh vực, địa phương căn cứ vào tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm
vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao để đề xuất nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm
cần thực hiện trong thời gian tới (tháng/ quý/6 tháng/9tháng/năm).

Nơi nhận:

- Các cơ quan liên quan;
- Lưu.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 6
ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CÔNG TÁC GIỮ GÌN TRẬT TỰ, AN TOÀN
XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI

(Kỳ báo cáo.....)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ *(số liệu so sánh với tháng trước và so sánh cùng kỳ đối với mỗi kỳ báo cáo)*

- Kết quả thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đảm bảo trật tự, an toàn xã hội.

- Tình hình tai nạn giao thông

Số vụ, số người tử vong, số người bị thương (so sánh với tháng trước và so sánh cùng kỳ đối với mỗi kỳ báo cáo).

- Tình hình cháy nổ:

II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Khó khăn, vướng mắc

2. Nguyên nhân khó khăn, vướng mắc

3. Đề xuất, kiến nghị

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THÁNG, QUÝ, NĂM



PHỤ LỤC III

Danh sách các đơn vị báo cáo và thực hiện biểu mẫu báo cáo thống kê

(Kèm theo Quyết định số 57/2022/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai)

STT	TÊN BIỂU MẪU	NỘI DUNG BÁO CÁO	ĐƠN VỊ THỰC HIỆN BÁO CÁO	GHI CHÚ
1	Biểu mẫu số 1	Báo cáo các chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	Cục Thống kê tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học, Liên Minh hợp tác xã tỉnh, Sở lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Cục thi hành án và UBND các huyện, thành phố	
2	Biểu mẫu số 2	Báo cáo tình hình đầu tư trong nước, nước ngoài; đăng ký doanh nghiệp và hộ kinh doanh; phát triển hợp tác xã - liên hiệp hợp tác xã - tổ hợp tác	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Các khu công nghiệp, Ban Quản lý Khu công nghệ cao, công nghệ sinh học, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển, Liên Minh hợp tác xã tỉnh, UBND các huyện, thành phố	
3	Biểu mẫu số 3	Báo cáo Tình hình quản lý tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	
4	Biểu mẫu số 4	Báo cáo kết quả phân tích tai nạn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh và Sở Giao thông Vận tải	
5	Biểu mẫu số 4.2	Báo cáo số liệu so sánh tai nạn giao thông các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh		

6	Biểu mẫu số 5	Báo cáo hàng tháng, hàng quý, năm của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Ngành Lao động, Thương binh và Xã hội	
7	Biểu mẫu số 6	Kết quả thực hiện các Chương trình, đề án, dự án, chính sách liên quan đến công tác dân tộc	Ban Dân tộc tỉnh	
8	Biểu mẫu số 7	Báo cáo công tác Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
	Biểu mẫu số 8			
9	Biểu mẫu số 8.1	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực xây dựng chính quyền)	Ngành nội vụ	
10	Biểu mẫu số 8.2	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực Công chức, viên chức)		
11	Biểu mẫu số 8.3	Báo cáo công tác ngành Nội vụ (lĩnh vực Tổ chức bộ máy)		
12	Biểu mẫu số 9	Báo cáo tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu của công tác y tế	Sở Y tế	
13	Biểu mẫu số 10	Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu ngành Bảo hiểm xã hội tỉnh	Bảo hiểm xã hội tỉnh	
	Biểu mẫu số 11			
14	Biểu mẫu số 11.1	Tổng hợp kết quả thanh tra hành chính	Thanh tra tỉnh	
15	Biểu mẫu số 11.2	Tổng hợp kết quả thực hiện kết luận thanh tra hành chính		
16	Biểu mẫu số 11.3	Tổng hợp kết quả thanh tra, kiểm tra chuyên ngành		